

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2016/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế
bán đấu giá tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số: 194/TTr-STP ngày 24 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bán đấu giá tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân tỉnh kết quả và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2016. Bãi bỏ Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2010 về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010 ban hành Quy định xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2012 ban hành quy chế phối hợp trong bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân

dân các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ**

Bán đấu giá tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản Nhà nước; trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xử lý bán đấu giá tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này là tài sản Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

Các nội dung khác về bán đấu giá tài sản Nhà nước không quy định trong Quy chế này thì thực hiện thống nhất theo các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc bán đấu giá đối với các loại tài sản khác không thuộc đối tượng được nêu tại Khoản 1 Điều này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, xử lý tài sản Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Người có tài sản bán đấu giá, bao gồm: Chủ sở hữu tài sản Nhà nước, người được chủ sở hữu tài sản Nhà nước ủy quyền bán tài sản, người có trách nhiệm chuyển giao tài sản Nhà nước để bán đấu giá.

3. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản), Hội đồng bán đấu giá tài sản Nhà nước trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng bán đấu giá trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp đặc biệt (sau đây gọi là Hội đồng bán đấu giá tài sản).

4. Người tham gia đấu giá tài sản, bao gồm: Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức việc bán đấu giá tài sản Nhà nước

1. Việc bán đấu giá tài sản Nhà nước phải đảm bảo đúng pháp luật, công khai, liên tục, khách quan, bình đẳng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

2. Tất cả các cuộc bán đấu giá tài sản Nhà nước đều phải do Đấu giá viên điều hành theo đúng trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật khác về bán đấu giá tài sản (trừ trường hợp đấu giá do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện).

Điều 4. Các tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản Nhà nước

1. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

2. Hội đồng bán đấu giá tài sản:

a) Hội đồng bán đấu giá tài sản Nhà nước trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá tài sản (quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 82 Luật Xử lý vi phạm hành chính) được thành lập để bán các loại tài sản theo quy định.

b) Thành phần Hội đồng bán đấu giá tài sản Nhà nước trong trường hợp đặc biệt và Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá tài sản được thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

Thành phần Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Điều 5. Tài sản bán đấu giá

Tài sản bán đấu giá theo Quy chế này là động sản, bất động sản và quyền tài sản của Nhà nước được phép giao dịch theo quy định của pháp luật, bao gồm:

1. Tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất được bán đấu giá theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Tài sản Nhà nước được xử lý bằng hình thức bán đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.

3. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 82 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu Nhà nước phải bán đấu giá được quy định tại Điều 3 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP.

5. Cây đứng, lâm sản được khai thác từ rừng thuộc sở hữu Nhà nước.

6. Quyền khai thác khoáng sản quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 6. Điều kiện về tài sản bán đấu giá

1. Điều kiện chung:

a) Tài sản khi bán đấu giá phải có quyết định bán đấu giá của người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, người có tài sản bán đấu giá đồng ý.

b) Các loại tài sản bán đấu giá phải được xác định giá khởi điểm theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện cụ thể:

a) Đối với quyền sử dụng đất phải bảo đảm được các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai năm 2013.

b) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định tịch thu của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

c) Đối với tài sản là cây đứng phải có phương án khai thác được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cấp phép khai thác. Đối với tài sản là lâm sản phải có hồ sơ lâm sản bán đấu giá được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Người tham gia đấu giá và người không được tham gia đấu giá

1. Người tham gia đấu giá:

a) Người tham gia đấu giá tài sản là cá nhân, đại diện tổ chức có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật về loại tài sản đó.

b) Đối với tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải có đủ các điều kiện được quy định tại Khoản 2 Điều 119 Luật Đất đai năm 2013.

c) Tổ chức, cá nhân khi tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải có đủ các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012.

d) Người tham gia đấu giá tài sản có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Người không được tham gia đấu giá:

Người không được tham gia đấu giá là người thuộc những trường hợp quy định tại Điều 30 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

Điều 8. Điều kiện, thủ tục tham gia đấu giá

1. Điều kiện tham gia đấu giá:

a) Đã nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản phát hành.

b) Đã nộp khoản tiền đặt trước trong thời hạn đăng ký tham gia đấu giá và nộp đủ tiền phí tham gia đấu giá theo quy định.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá (trường hợp nộp bản sao không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền thì phải có bản chính để đối chiếu):

a) Đối với cá nhân: Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ thay thế khác của người đăng ký tham gia đấu giá, sổ hộ khẩu gia đình.

b) Đối với tổ chức: Bản sao Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền

hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh.

c) Người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp hồ sơ đăng ký đấu giá nhưng không trực tiếp tham gia đấu giá, nếu ủy quyền cho người khác thay mình tham gia đấu giá thì việc ủy quyền phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về ủy quyền, giấy ủy quyền được lưu trong hồ sơ đấu giá.

Điều 9. Tiền đặt trước khi đăng ký tham gia đấu giá tài sản

1. Người đủ điều kiện đăng ký tham gia đấu giá phải nộp một khoản tiền đặt trước là 15% giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá. Khoản tiền đặt trước được nộp cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản trong thời hạn được ghi trong thông báo bán đấu giá tài sản.

2. Tiền đặt trước của người trúng đấu giá được trừ vào tiền mua tài sản.

3. Quản lý khoản tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 48/2012/TT-BTC.

Điều 10. Hình thức đấu giá, nguyên tắc xác định bước giá

1. Hình thức đấu giá:

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, sau khi có sự thống nhất của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản với người có tài sản bán đấu giá.

2. Nguyên tắc xác định bước giá:

Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu về giá phải trả của người trả giá sau so với người trả giá trước liền kề.

Căn cứ vào giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá và tùy vào tính chất từng cuộc bán đấu giá, số lượng người tham gia đấu giá để Đấu giá viên xác định bước giá cho phù hợp.

a) Đối với đấu giá quyền sử dụng đất, bước giá được quy định như sau:

Giá trị khu đất, thửa đất	Bước giá
Dưới 100 triệu đồng	2.000.000 đồng
Từ 100 triệu đến dưới 300 triệu đồng	4.000.000 đồng
Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	5.000.000 đồng
Từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng	10.000.000 đồng
Từ 01 tỷ đến dưới 05 tỷ đồng	20.000.000 đồng
Từ 05 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng	30.000.000 đồng
Từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng	40.000.000 đồng
Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	50.000.000 đồng
Từ 50 tỷ đồng trở lên	70.000.000 đồng

b) Đối với đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản Nhà nước khác, bước giá cho mỗi lần trả giá từ 0,5% đến 15% giá khởi điểm tài sản bán đấu giá.

Điều 11. Hợp đồng bán đấu giá tài sản

1. Hợp đồng bán đấu giá tài sản được ký kết giữa Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản với người có tài sản bán đấu giá.

2. Hợp đồng bán đấu giá tài sản phải được lập thành văn bản và đảm bảo các nội dung chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định 17/2010/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

3. Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng bán đấu giá tài sản, thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định 17/2010/NĐ-CP.

4. Trước khi ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản yêu cầu người có tài sản cung cấp các tài liệu, hồ sơ liên quan đến tài sản bán đấu giá và có trách nhiệm kiểm tra nguồn gốc và các thông tin liên quan đến tài sản bán đấu giá.

5. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bán đấu giá tài sản, nếu phát sinh các nội dung khác ngoài hợp đồng thì các bên thỏa thuận lập phụ lục hợp đồng bán đấu giá tài sản.

Điều 12. Niêm yết, thông báo và trưng bày tài sản bán đấu giá

1. Việc niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

a) Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện việc lựa chọn thông báo bán đấu giá tài sản trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp người có tài sản yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cụ thể thì thực hiện theo yêu cầu.

b) Đối với bán đấu giá tài sản Nhà nước là trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất, xe ô tô các loại và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên, trên một đơn vị tài sản thì cùng với việc thông báo bán đấu giá trên phương tiện thông tin đại chúng phải đồng thời thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin Cục quản lý công sản thuộc Bộ Tài chính.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có tài sản bán đấu giá có trách nhiệm cử cán bộ, công chức phối hợp, tạo điều kiện để Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện niêm yết thông báo công khai việc bán đấu giá theo quy định; kiểm tra thực tế việc niêm yết, thông báo và xác nhận vào biên bản về việc đã niêm yết thông báo bán đấu giá.

3. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản, người coi giữ tài sản có trách nhiệm trưng bày, tạo điều kiện cho người tham gia đấu giá xem tài sản bán đấu giá và hồ sơ tài sản bán đấu giá theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

Điều 13. Địa điểm và trình tự tiến hành cuộc bán đấu giá tài sản

1. Địa điểm bán đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, trừ trường hợp pháp luật quy định khác, nhưng phải được ghi cụ thể, chi tiết trong thông báo bán đấu giá tài sản.

2. Trình tự tiến hành cuộc bán đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 34, 38, 39 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Khoản 2, 3, 4 Điều 15 Thông tư số 23/2010/TT-BTP.

Điều 14. Xử lý cuộc bán đấu giá tài sản không thành

1. Những trường hợp sau đây được xem là bán đấu giá không thành:

a) Người tham gia đấu giá trả giá thấp hơn giá khởi điểm.

b) Người trả giá cao nhất đã rút lại giá đã trả mà không có người trả giá tiếp theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

c) Người từ chối mua tài sản theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

d) Hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá mà không có tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá.

đ) Các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013.

2. Trong trường hợp bán đấu giá không thành, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản trả lại tài sản cho người có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP; tài sản là quyền sử dụng đất thì thực hiện theo Khoản 3 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013; tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

Điều 15. Xử lý khoản tiền đặt trước sau khi tham gia đấu giá

1. Khoản tiền đặt trước của người trúng đấu giá được chuyển trả cho người có tài sản bán đấu giá hoặc nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi có kết quả cuộc bán đấu giá. Đối với tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Quy chế này; tài sản là quyền sử dụng đất, thì khoản tiền đặt trước của người trúng đấu giá được nộp vào ngân sách Nhà nước trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả bán đấu giá của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp tiền đặt trước, được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau:

- a) Đã đăng ký tham gia đấu giá nhưng không đủ điều kiện để tham gia đấu giá.
- b) Không trúng đấu giá, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.
- c) Rút lại đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn đăng ký do Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản công bố.
- d) Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đặt trước chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

3. Người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp tiền đặt trước, không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau:

- a) Đã đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc bán đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- b) Có hành vi thông đồng, dàn xếp kết quả đấu giá đã bị lập biên bản tại cuộc bán đấu giá.
- c) Người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả theo Điều 38 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.
- d) Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất quá thời hạn quy định mà không nộp hoặc nộp không đủ tiền và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt kết quả bán đấu giá đã có quyết định hủy bỏ kết quả phê duyệt trúng đấu giá.
- đ) Người trúng đấu giá không nộp đủ tiền mua tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- e) Tại cuộc bán đấu giá, khi Đấu giá viên, người điều hành cuộc bán đấu giá tài sản đã công bố người mua được tài sản bán đấu giá mà người này từ chối mua tài sản.

Điều 16. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá

1. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá phải có đầy đủ các nội dung chính được quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP. Đối với những tài sản mà pháp luật quy định Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá phải có công chứng hoặc phải được đăng ký, thì Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá phải được công chứng hoặc đăng ký theo quy định.

2. Đối với các trường hợp bán đấu giá thành quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Quy chế này, thì Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản lập Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá là cơ sở pháp lý để chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản bán đấu giá.

Điều 17. Thời hạn thanh toán

Người trúng đấu giá có nghĩa vụ thanh toán tiền mua tài sản theo thỏa thuận được ghi trong Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá giữa các bên, hoặc trong thông

báo nộp tiền trúng đấu giá đối với đấu giá quyền sử dụng đất. Đối với tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thì thực hiện theo Điều 7 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012.

Điều 18. Hủy kết quả bán đấu giá

1. Kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy trong các trường hợp sau đây:

a) Do thỏa thuận giữa người có tài sản bán đấu giá, người mua được tài sản bán đấu giá và Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Hợp đồng bán đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá bị Tòa án tuyên bố vô hiệu hoặc bị hủy theo quy định của pháp luật dân sự.

c) Kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy theo quyết định của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì phải trả bằng tiền. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá đã được công chứng, khi hủy hợp đồng thì phải được các bên lập biên bản về việc hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và được công chứng theo quy định.

4. Đối với đấu giá quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất, trong thời hạn chậm nhất là 10 (mười) ngày, nếu người trúng đấu giá không nộp hoặc nộp không đủ số tiền được ghi trong thông báo nộp tiền do cơ quan Thuế thông báo thì đơn vị tổ chức thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt kết quả bán đấu giá, hủy kết quả trúng đấu giá.

5. Các trường hợp hủy kết quả bán đấu giá khác theo quy định tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP.

Điều 19. Thanh toán, quản lý chi phí bán đấu giá

1. Trong trường hợp bán đấu giá thành, người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tiền phí và chi phí dịch vụ đối với từng loại tài sản cụ thể.

a) Đối với việc bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất, người có tài sản thanh toán chi phí dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 48/2012/TT-BTC.

b) Đối với việc bán đấu giá các loại tài sản khác, người có tài sản thanh toán phí bán đấu giá theo quy định; chi phí thực tế, hợp lý cho việc bán đấu giá tài sản do người có tài sản bán đấu giá và Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thỏa thuận.

2. Trong trường hợp bán đấu giá không thành, người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; trường hợp bán đấu giá tài sản là quyền sử

dụng đất thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 13 Thông tư số 48/2012/TT-BTC.

3. Việc quản lý và sử dụng phí bán đấu giá tài sản, chi phí dịch vụ bán đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư số 03/2012/TT-BTC.

4. Việc quản lý và sử dụng tiền phí đấu giá, chế độ tài chính trong hoạt động bán đấu giá quyền sử dụng đất của Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2010/TT-BTC; Thông tư số 03/2012/TT-BTC và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định mức thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương II

ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 20. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải bảo đảm đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Đất đai năm 2013.

2. Bảo đảm đủ các điều kiện về năng lực tài chính và khả năng chuyên môn để thực hiện dự án đầu tư trên đất theo quy định tại Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013.

3. Một hộ gia đình chỉ được cử một cá nhân tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được cử một đơn vị tham gia đấu giá; trường hợp có 02 (hai) doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng công ty thì chỉ được cử một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng công ty với công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được cử một doanh nghiệp tham gia đấu giá.

Điều 21. Giám sát thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất

Đơn vị tổ chức thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm giám sát việc tổ chức cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất. Thành phần tham gia giám sát cuộc bán đấu giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BTNMT-BTP.

Điều 22. Phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất

1. Sau khi tổ chức cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất thành công, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản chuyển toàn bộ hồ sơ bán đấu giá cho đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất để đơn vị này gửi cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Trình tự, nội dung phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BTNMT-BTP.

2. Trường hợp đất do Hội đồng bán đấu giá thực hiện việc đấu giá, thì Hội đồng bán đấu giá có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả đấu giá.

Điều 23. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, trong thời hạn không quá 05(năm) ngày làm việc, cơ quan Thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bằng văn bản cho người trúng đấu giá. Thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất có nội dung được quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BTNMT-BTP.

2. Thời hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

a) Thời hạn nộp tiền:

Lần thứ nhất: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan Thuế phát hành thông báo nộp tiền, người trúng đấu giá phải nộp số tiền bằng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị trúng đấu giá (sau khi đã trừ số tiền đặt trước).

Lần thứ hai: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, người trúng đấu giá phải nộp đủ số tiền trúng đấu giá còn lại theo thông báo.

Trường hợp các ngày thứ năm, ngày thứ ba mươi trùng với ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ thì được tính đến ngày làm việc đầu tiên liền kề sau ngày nghỉ đó.

Trường hợp người trúng đấu giá chậm nộp, trong thời hạn được quy định tại Khoản 4 Điều 18 Quy chế này, thì mỗi ngày nộp chậm phải nộp thêm khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý Thuế.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm thì việc thanh toán tiền thuê đất thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền; chuyển chứng từ đã nộp tiền cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Điều 24. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá.

Trình tự, thủ tục, thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hợp đồng thuê đất thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BTNMT-BTP.

Điều 25. Xử lý trường hợp giao đất có chênh lệch diện tích hoặc có thay đổi quy hoạch

1. Trường hợp khi bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá, nếu diện tích đất thực tế tăng hoặc giảm so với diện tích đã công bố trong hồ sơ đấu giá và người trúng đấu giá đồng ý, thì số tiền phải nộp tương ứng tăng thêm hoặc giảm đi và được tính theo giá trị trúng đấu giá chia cho diện tích đất đã công bố trong hồ sơ đấu giá và nhân với diện tích đất tăng hoặc giảm. Trường hợp người trúng đấu giá không đồng ý thì lập biên bản và đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy kết quả bán đấu giá.

2. Trường hợp lô (thửa) đất trúng đấu giá được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm tăng hoặc giảm diện tích đất thực tế, thì số tiền người trúng đấu giá phải nộp tăng thêm hoặc được giảm đi theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp đất của dự án đầu tư, sau khi trúng đấu giá chủ đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy hoạch dẫn đến hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng tăng thì chủ đầu tư phải nộp bổ sung tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với phần tăng thêm theo giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp cho phép

điều chỉnh quy hoạch mà hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng giảm thì chủ đầu tư phải thực hiện theo giá trúng đấu giá và không được hoàn trả tiền sử dụng đất đối với phần giá trị diện tích đất giảm.

Chương III

ĐẤU GIÁ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU SÙNG QUỸ NHÀ NƯỚC

Điều 26. Xác định giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá

1. Trường hợp giá trị tang vật, phương tiện đã được xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì giá trị tang vật, phương tiện đã được xác định là giá khởi điểm của tang vật, phương tiện để bán đấu giá.

2. Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 173/2013/TT-BTC, Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP thì người có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện phải thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm của tang vật, phương tiện bán đấu giá.

3. Việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư số 137/2010/TT-BTC, trừ trường hợp giá khởi điểm đã được xác định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 27. Hội đồng định giá tài sản

1. Hội đồng định giá:

Hội đồng định giá được quy định tại Khoản 2 Điều này. Việc xác định giá khởi điểm của tài sản để bán đấu giá phải được lập thành biên bản. Biên bản định giá được giao cho mỗi cơ quan liên quan giữ 01 bản để theo dõi việc xử lý tài sản bán đấu giá.

2. Thành lập Hội đồng định giá:

a) Hội đồng định giá tài sản do người có thẩm quyền của cơ quan cấp tỉnh ra quyết định tịch thu gồm:

Người có thẩm quyền quyết định tịch thu làm Chủ tịch Hội đồng.

Các thành viên của Hội đồng bao gồm: Đại diện Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các cơ quan chuyên môn có liên quan.

b) Hội đồng định giá tài sản do người có thẩm quyền của cơ quan cấp huyện và cấp xã ra quyết định tịch thu, gồm:

Người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu làm Chủ tịch Hội đồng.

Các thành viên của Hội đồng bao gồm: Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp, đại diện các cơ quan chuyên môn có liên quan (đối với cấp huyện); Công chức Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch và đại diện các cơ quan chuyên môn có liên quan (đối với cấp xã).

Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá.

c) Trường hợp người ra quyết định tịch thu tài sản là Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện, thì cơ quan tham mưu ra quyết định tịch thu là Chủ tịch Hội đồng.

3. Nguyên tắc hoạt động và chế độ tài chính:

a) Nguyên tắc hoạt động và chế độ tài chính của Hội đồng định giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 8, 9 Thông tư số 137/2010/TT-BTC.

b) Hội đồng định giá có thể thuê các tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá xác định giá khởi điểm để xem xét, tham khảo trước khi quyết định. Chi phí cho việc định giá, thuê các tổ chức có chức năng định giá, thẩm định giá được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được.

Điều 28. Xử lý khoản tiền thu được từ bán đấu giá tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính

1. Số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính bao gồm: Khoản tiền bán đấu giá tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính; khoản tiền đặt trước không trả lại cho người tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Quy chế này.

2. Sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người trúng đấu giá nộp đủ tiền mua tài sản và đã nhận đủ tài sản trúng đấu giá, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản chuyển nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính vào tài khoản tạm giữ của cơ quan Tài chính hoặc nộp vào ngân sách Nhà nước theo thỏa thuận tại hợp đồng bán đấu giá tài sản. Đối với người có thẩm quyền tịch thu thuộc cơ quan cấp tỉnh ra quyết định tịch thu thì nộp số tiền này vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính hoặc tài khoản thu ngân sách Nhà nước cấp tỉnh; đối với người có thẩm quyền tịch thu thuộc cấp huyện và cấp xã thì nộp số tiền này vào tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện hoặc tài khoản thu ngân sách Nhà nước cấp huyện.

3. Đối với các khoản chi phí đã có tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định đó, đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng cơ quan của người ra quyết định tịch thu (cơ quan chủ trì xử lý tài sản) quyết định trên cơ sở thực tế phát sinh và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trường hợp tang vật, phương tiện bán đấu giá không thành hoặc đã được bán đấu giá nhưng số tiền thu được không đủ thanh toán các khoản chi phí theo quy định, thì cơ quan chủ trì xử lý tài sản đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước.

Điều 29. Bàn giao tài sản cho người mua trúng đấu giá thành

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày người trúng đấu giá nộp đủ tiền mua tài sản, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản phối hợp với cơ quan chủ trì xử lý tài sản, tổ chức, cá nhân đang giữ tài sản thực hiện việc bàn giao tài sản cho người mua. Cơ quan chủ trì xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ Nhà nước cho người mua, trường hợp cơ quan chủ trì xử lý tài sản vi phạm hành chính bị tịch thu không thường xuyên phát sinh hoạt động này và không có hóa đơn bán tài sản tịch thu thì phải đăng ký mua hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước tại Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, nơi đơn vị có trụ sở hoạt động để kịp thời cấp hóa đơn cho người trúng đấu giá. Trường hợp tài sản, hàng hóa phải dán tem nhập khẩu, đóng búa kiểm lâm..., hoặc phải tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật thì thời hạn bàn giao tài sản chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày đã thực hiện xong các thủ tục này. Đồng thời với việc bàn giao tài sản, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản phối hợp

với cơ quan chủ trì xử lý tài sản bàn giao hồ sơ, giấy tờ cho người mua trúng đấu giá; hồ sơ bàn giao gồm:

a) Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biên bản vi phạm hành chính (bản chính).

b) Biên bản bán đấu giá tài sản (bản chính).

c) Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá (bản chính).

d) Hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước (bản chính).

đ) Các giấy tờ liên quan khác đến tài sản (nếu có).

2. Việc bàn giao tài sản cho người mua tài sản phải được lập thành biên bản, biên bản ghi rõ: Ngày, tháng, năm bàn giao; người bàn giao, người nhận; loại tài sản, số lượng, tình trạng tài sản; chữ ký của người giao, người nhận và người chứng kiến (nếu có).

Điều 30. Trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản

Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản, cơ quan chủ trì xử lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý tang vật, phương tiện có trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản cho đến khi bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá.

Điều 31. Xử lý tài sản không bán được

1. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký tham gia đấu giá, theo thông báo mà không có người đăng ký mua tài sản thì Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản có văn bản gửi cơ quan chủ trì xử lý tài sản xem xét, xác định lại giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá lại. Nguyên tắc, phương pháp và thủ tục xác định lại giá khởi điểm thực hiện như quy định với việc xác định giá khởi điểm lần đầu. Mỗi lần giảm giá không quá 10% giá khởi điểm đã được xác định lần trước đó.

2. Sau 02 (hai) lần giảm giá mà vẫn không bán được thì tiến hành thanh lý hợp đồng bán đấu giá tài sản (trường hợp Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thực hiện tổ chức bán đấu giá) hoặc văn bản đề nghị xử lý tài sản bán đấu giá (trường hợp Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện tổ chức bán đấu giá tài sản) và trả lại tài sản cho cơ quan chủ trì xử lý tài sản để thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP; trường hợp tổ chức bán đấu giá lại thì trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

3. Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không bán được tài sản và các chi phí hợp lý khác được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước.

Chương IV

ĐẤU GIÁ MỘT SỐ LOẠI TÀI SẢN KHÁC

Điều 32. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Đối với quyền khai thác khoáng sản thuộc quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì việc ký kết hợp đồng tổ chức bán đấu giá được thực hiện giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản (trừ trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản). Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Thông tư liên tịch số

54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Trình tự, nguyên tắc tiến hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 33. Đấu giá các loại tài sản khác của Nhà nước và tài sản có vốn góp của Nhà nước

Đối với tài sản là tang vật vụ án bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo bản án, quyết định của Tòa án; tài sản thuộc sở hữu Nhà nước được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định bán đấu giá; tài sản các cơ quan Nhà nước, tài sản của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thanh lý theo quy định; tài sản không sử dụng, tài sản thanh lý của các doanh nghiệp Nhà nước, các công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước cần bán để thu hồi vốn, thì cơ quan chủ trì xử lý tài sản thực hiện việc ký hợp đồng bán đấu giá tài sản với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản để tổ chức bán đấu giá theo Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 34. Đấu giá cây đứng và lâm sản được khai thác từ rừng thuộc sở hữu Nhà nước

Đối với tài sản là cây đứng và lâm sản được khai thác và lấy ra từ rừng thuộc sở hữu Nhà nước được quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, thì các cơ quan, đơn vị quản lý rừng thực hiện việc ký hợp đồng bán đấu giá tài sản với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản để tổ chức bán đấu giá theo Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tư Pháp:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản tại địa phương.

b) Hướng dẫn nghiệp vụ bán đấu giá tài sản cho các tổ chức bán đấu giá tài sản trong phạm vi toàn tỉnh.

c) Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tổ chức, hoạt động bán đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền.

d) Lập danh sách Đấu giá viên, cập nhật nội dung thay đổi, bổ sung danh sách Đấu giá viên của các tổ chức bán đấu giá trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư Pháp về tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản tại địa phương theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và trường hợp đột xuất.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá là tài sản Nhà nước, tài sản là tang vật phương tiện vi phạm hành chính.

b) Hướng dẫn về mức thu và việc quản lý, sử dụng phí bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Rà soát quy hoạch sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan xác định cụ thể các khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất hàng năm.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Hướng dẫn các thủ tục giao đất, cho thuê đất cho người trúng đấu giá, chủ trì thực hiện bàn giao đất trên thực địa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị đang được giao quản lý quỹ đất đã được phê duyệt hàng năm, lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

đ) Lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trách nhiệm của cơ quan Thuế:

a) Thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bằng văn bản cho người trúng đấu giá.

b) Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp việc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo kết quả trúng đấu giá.

5. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này và các quy định pháp luật về bán đấu giá tài sản, đồng thời ban hành nội quy bán đấu giá theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

6. Các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong công tác bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 36. Trách nhiệm phối hợp trong hoạt động bán đấu giá tài sản

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp một cách đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhằm đảm bảo việc xử lý và bán đấu giá tài sản đúng theo quy định pháp luật.

2. Việc phối hợp hoạt động được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế hoạt động của mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân và các quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát, trao đổi thông tin kịp thời để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh đối với các vi phạm phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc bán đấu giá tài sản và tự chịu trách nhiệm của các bên theo quy định pháp luật.

Điều 37. Xử lý đối với vi phạm của người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá

1. Người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này và Nghị định số 17/2010/NĐ-CP thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người trúng đấu giá khi được giao đất mà sử dụng đất sai mục đích thì bị xử lý theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Điều 38. Xử lý vi phạm đối với người thực hiện đấu giá

Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản có hành vi vi phạm pháp luật về đấu giá tài sản, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; cán bộ, viên chức và người lao động trong Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản khi tham gia thực hiện việc bán đấu giá mà không hoàn thành trách nhiệm được giao, làm lộ bí mật thông tin về việc đăng ký của người tham gia đấu giá hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái các quy định về đấu giá gây thiệt hại cho Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan, thì tùy tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật lao động, xử lý vi phạm hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến quá trình tổ chức bán đấu giá quy định tại Quy chế này được giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; pháp luật về bán đấu giá và các văn bản pháp luật khác có liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị